

Số: 56 /2012/NQ-HĐND

Buôn Ma Thuột, ngày 06 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**V/v quy định mức thu phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản,
phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHOÁ VIII - KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc Hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Pháp lệnh số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 03/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá và lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Xét Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 22/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết về mức thu phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 30/BC-HĐND ngày 29/6/2012 của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý



kiến của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành, thông qua Nghị quyết về mức thu phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh.

a) Mức thu phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản và việc quản lý, sử dụng phí thu được theo quy định tại khoản 3 Điều 2, khoản 2 Điều 3 Thông tư số 03/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá và lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản.

b) Mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

2. Đối tượng áp dụng.

a) Tổ chức, cá nhân có tài sản bán đấu giá, trừ trường hợp bán đấu giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ Nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất và các trường hợp do Hội đồng bán đấu giá tài sản thực hiện.

b) Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá tài sản theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

c) Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền sử dụng đất.

d) Những nội dung khác được thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Mức thu phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản; phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất.

3.1. Phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản.

a) Mức thu phí đấu giá tài sản:

Trường hợp bán đấu giá tài sản thành thì mức thu phí được tính trên giá trị tài sản bán được của một cuộc bán đấu giá, theo quy định như sau:

TT	Giá trị tài sản bán được của một cuộc đấu giá	Mức thu
1	Dưới 50 triệu đồng	5% giá trị tài sản bán được
2	Từ 50 triệu đến 1 tỷ đồng	2,5 triệu + 1,5% giá trị tài sản bán được quá 50 triệu
3	Từ trên 1 tỷ đến 10 tỷ đồng	16,75 triệu + 0,15% giá trị tài sản bán được vượt 1 tỷ

4	Từ trên 10 tỷ đến 20 tỷ đồng	30 triệu + 0,12% giá trị tài sản bán được vượt 10 tỷ
5	Từ trên 20 tỷ đồng	40 triệu + 0,08% giá trị tài sản bán được vượt 20 tỷ. Tổng số phí không quá 300 triệu/cuộc đấu giá

Trường hợp bán đấu giá tài sản không thành thì trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá, người có tài sản bán đấu giá, cơ quan thi hành án, cơ quan tài chính thanh toán cho tổ chức bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản các chi phí thực tế, hợp lý quy định tại Điều 43 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

b) Mức thu phí tham gia đấu giá tài sản:

Mức thu phí tham gia đấu giá tài sản được quy định tương ứng với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá theo quy định như sau:

TT	Giá khởi điểm của tài sản	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 20 triệu đồng trở xuống	40.000
2	Từ trên 20 triệu đến 50 triệu đồng	80.000
3	Từ trên 50 triệu đến 100 triệu đồng	130.000
4	Từ trên 100 triệu đến 500 triệu đồng	160.000
5	Trên 500 triệu đồng	400.000

Trường hợp cuộc đấu giá tài sản không được tổ chức thì người tham gia đấu giá tài sản được hoàn lại toàn bộ số tiền phí tham gia đấu giá tài sản đã nộp.

c) Quản lý và sử dụng phí:

- Hội đồng bán đấu giá tài sản được sử dụng số tiền phí thu được của người tham gia đấu giá để trang trải các chi phí cho Hội đồng đấu giá tài sản, nếu thừa nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản được để lại 80% số phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản thu được để trang trải cho việc bán đấu giá và thu phí theo quy định của pháp luật; 20% phần tiền phí còn lại phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

3.2. Phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất.

a) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân:

TT	Giá trị quyền sử dụng đất theo giá khởi điểm	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 200 triệu đồng trở xuống	80.000
2	Từ trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng	160.000
3	Từ trên 500 triệu đồng	400.000

b) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.

TT	Diện tích đất	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 0,5 ha trở xuống	800.000
2	Từ trên 0,5 ha đến 2 ha	2.400.000
3	Từ trên 2 ha đến 5 ha	3.200.000
4	Từ trên 5 ha	4.000.000

Trường hợp cuộc đấu giá quyền sử dụng đất không được tổ chức thì tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền sử dụng đất được hoàn lại toàn bộ số tiền phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất đã nộp.

3.3. Các nội dung liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp. Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Bãi bỏ các quy định về Phí đấu giá tại điểm a, điểm b mục 11, khoản I Điều 1 Nghị quyết số 09/2007/NQ-HĐND ngày 13/4/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá VIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2012.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư Pháp;
- TT. Tỉnh uỷ;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở: TC, TP, KH-ĐT, Cục thuế, Kho bạc NN tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Trưởng, Phó P.Ct HĐND. *MS*

CHỦ TỊCH



Niê Thuật